TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/6/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Xuân Chuyển - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 07/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST ngày 23/05/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn** Anh Chu Bá N, sinh năm: 1972.(Có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh ngày: 02/9/1975.

Nơi cư trú: xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài. (có đơn xét xử vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Hoàng Thị L: Ông Hoàng Danh Q – Sinh năm 1955. Địa chỉ: xóm B, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên*

đơn là anh Chu Bá N trình bày:

Tôi và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1995 và đăng kí kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/1995 do UBND xã Q, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ ở xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V. Tôi và chị Hoàng Thị L có hai con chung là cháu Chu Thị Ngọc H (sinh ngày 05/6/1996) và cháu Chu Bá H1 (sinh ngày 20/10/2002). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có quan điểm sống khác nhau. Năm 2015 chị L đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với tôi tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện V, tỉnh Bắc Giang nhưng sau đó lại rút đơn về do chị L đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa liên bang Đức. Tháng 11/2015 chị L nhập cư sang Ba Lan và sau đó sang Đức làm việc. Trong suốt thời gian chị L đi nước ngoài lao động thì hai vợ chồng không còn liên hệ với nhau, chị L đã hai lần về Việt Nam thăm nhà nhưng không về nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở xóm B, thôn Đ, xã Q. Hiện tại chị L và gia đình đều không cung cấp địa chỉ liên hệ nên tôi chỉ biết chị L đang lao động ở Cộng hòa liên bang Đức chứ không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Hai vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hơn ba năm sống xa nhau vợ chồng có khoảng thời gian dài xa mặt cách lòng, tình cảm không còn, hiện tại không ai còn quan tâm đến ai, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ vợ chồng: đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

- Về con chung : Vợ chồng có hai con chung là cháu Chu Thị Ngọc H, sinh ngày 05/06/1996 và cháu Chu Bá H1, sinh ngày 20/10/2002. Hiện nay con chung là Chu Thị Ngọc H đã trưởng thành và đang lao động ở nước ngoài. Cháu Chu Bá H1 đang ở với tôi, ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu H1. Tuy nhiên do con chung đã lớn nên các cháu có quyền lựa chọn ở với bố hay mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn tôi không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: anh Chu Bá N trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về công nợ chung: anh Chu Bá N trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra anh Chu Bá N đề nghị Tòa án thu thập tài liệu mẫu có chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của chị Hoàng Thị L, cháu Chu Thị Ngọc H để trưng cầu giám định so sánh với chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong tài liệu mà chị Hoàng Thị L, cháu Chu Thị Ngọc H gửi từ nước ngoài về. Chi phí giám định anh Chu Bá N xin chịu cả.

** Tại Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án,bị đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:* Tôi đã nhận được đơn khởi kiện do anh Chu Bá N gửi cho tôi và tôi đã nhận được thông báo thụ lý số 24/TBTL-HNGĐ ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thông báo cho tôi được biết về yêu cầu khởi kiện của anh Chu Bá N.

- Về quan hệ vợ chồng: Về quá trình tìm hiểu và tiến tới hôn nhân như anh N trình bày là đúng. Nay xét thấy vợ chồng đã ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn anh Chu Bá N xin ly hôn, tôi đồng ý.

- Về con chung: Tôi và anh Chu Bá N có hai con chung là cháu Chu Thị Ngọc H – Sinh ngày 05/06/1996; con thứ hai là cháu Chu Bá H1 – Sinh ngày 20/10/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên các cháu được quyền lựa chọn ở với bố hay mẹ. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung theo quy định của pháp luật và không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn tôi đồng ý, không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tôi xin cam đoan những lời khai của tôi là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Do bận không sắp xếp được công việc riêng, hiện tôi đang đi làm ăn xa nên tôi không thể tham gia các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa của Tòa án được. Tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án. Tôi giữ nguyên quan điểm như tôi đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tôi đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng và bản án cho bố tôi là: Ông Hoàng Danh Q, sinh năm 1955. Địa chỉ: xóm B, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang để bố tôi nhận và thông báo cho tôi được biết.

*Chị Chu Thị Ngọc H có văn bản gửi Tòa án trình bày: Tôi là con của mẹ là Hoàng Thị L và bố là Chu Bá N đều có địa chỉ tại: xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay tôi đã trưởng thành và đang lao động cùng mẹ là Hoàng Thị L ở nước ngoài nên việc bố mẹ tôi ly hôn thì tôi không có ý kiến gì. Tôi cũng đã tự lo được cho bản thân nên việc ở cùng bố hay mẹ thì tôi tự quyết định, tôi không yêu cầu Tòa án trích chia công sức đóng góp gì trong quá trình chung sống cùng với bố mẹ. Mẹ tôi viết bản tự khai và viết đơn xin xét xử vắng mặt điểm chỉ trước mặt tôi, tôi xác nhận nội dung trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt là đúng do mẹ tôi viết.

* Tại văn bản ngày 08/5/2019 cháu Chu Bá H1 trình bày: Hiện cháu đang ở với bố là Chu Bá N. Trường hợp bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

* Tại biên bản làm việc ngày 17/4/2019 ông Hoàng Danh Q trình bày: Tôi là bố đẻ của chị Hoàng Thị L. Tôi được biết con gái tôi đã làm thủ tục ly hôn với anh Chu Bá N tại Tòa án nhân dân huyện V nhưng sau đó anh Chu Bá N không đồng ý. Con gái tôi vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, hiện nay con gái tôi đang ở Đức cùng với cháu Chu Thị Ngọc H. Về địa chỉ của chị Hoàng Thị L ở nước ngoài thì gia đình không biết và không thể cung cấp cho Tòa án được. Gia đình tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh Chu Bá N, con gái tôi có gửi một số giấy tờ về cho tôi để cung cấp cho Tòa án gồm: Bản tự khai, đơn trình bày, đơn xin xét xử vắng mặt. Tôi cam đoan các tài liệu con gái tôi gửi về cho tôi là do con gái tôi gửi cho người em của tôi ở nước ngoài cầm về.Tôi đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bản án và sẽ thông báo cho con gái tôi được biết ngay. Ngoài các tài liệu tôi cung cấp cho Tòa án thì tôi không còn tài liệu nào khác.

* Tại phiên tòa anh Chu Bá N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung, tài sản chung, công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị Hoàng Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho anh Chu Bá N được ly hôn chị Hoàng Thị L. Về con chung: Giao con chung là cháu Chu Bá H1, sinh ngày 20/10/2002 cho anh N nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ anh N, chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh Chu Bá N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chu Bá N là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn chị Hoàng Thị L và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn là chị Hoàng Thị L có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhưng đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 2464/A08-P5 ngày 20/02/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Hoàng Thị L đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày16/5/2017, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng về gia đình chị Hoàng Thị L. Chị Hoàng Thị L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có văn bản thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về cho gia đình (bố đẻ là ông Hoàng Danh Q) để cung cấp cho Tòa án. Ngày17/4/2019 Tòa án làm việc với ông Hoàng Danh Q và được ông Q cung cấp các tài liệu là Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị Hoàng Thị L; văn bản trình bày của chị Chu Thị Ngọc H gửi từ nước ngoài về cho gia đình để cung cấp cho Tòa án giải quyết vụ việc. Do văn bản của chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H gửi về không có xác nhận của cơ quan ngoại giao tại nước ngoài nên anh Chu Bá N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành thu thập hồ sơ vụ án chị Hoàng Thị L xin ly hôn với anh tại TAND huyện V, tỉnh Bắc Giang; mẫu vân tay của chị Hoàng Thị L, mẫu vân tay của chị Chu Thị Ngọc H khi làm Chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh Bắc Giang để giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay đối chiếu với tài liệu do chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H gửi về xem có đúng là do một người viết, ký và lăn tay hay không.

[2.2]. Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 02/2019/QĐ-TCGĐ ngày 03/5/2019. Tại kết luận giám định số 667/KL/PC09 ngày 20/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện các chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu đứng tên chị

Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H trưng cầu giám định và chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu mẫu để so sánh là của chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của chị Hoàng Thị L, chị Chu Thị Ngọc H. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L đã có bản tự khai trình bày về vụ việc và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng cho bố đẻ là ông Hoàng Danh Q nhận và thông báo lại cho chị. Do vậy việc vắng mặt của chị Hoàng Thị L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Anh Chu Bá N và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/12/1995 tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang), do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Chu Bá N và chị Hoàng Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của anh Chu Bá N thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh ở xóm Đ, thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên hai vợ chồng có quan điểm sống khác nhau. Năm 2015 chị Hoàng Thị L đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh tại TAND huyện V nhưng sau đó lại rút đơn về do chị Hoàng Thị L đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Tháng 11/2015 chị L nhập cư sang Ba Lan và sau đó sang Đức làm việc. trong suốt thời gian chị L đi nước ngoài sinh sống thì hai vợ chồng không còn liên hệ với nhau. Anh và chị L đã chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Hơn ba năm sống xa nhau vợ chồng có khoảng thời gian dài xa mặt cách lòng, tình cảm không còn, hiện tại không ai còn quan tâm đến ai, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Chu Bá N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L. Tại bản tự khai đề ngày 08/4/2019 chị Hoàng Thị L trình bày vợ chồng đã ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn anh Chu Bá N xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh Chu Bá N.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Chu Bá N và chị Hoàng Thị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Chu Bá N được ly hôn chị Hoàng Thị L.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Anh Chu Bá N và chị Hoàng Thị L có hai con chung là Chu Thị Ngọc H, sinh ngày 05/06/1996 và Chu Bá H1, sinh ngày 20/10/2002. Hiện nay chị Chu Thị Ngọc H đã trưởng thành đang lao động tại nước ngoài cùng chị L nên ở với bố hay mẹ do chị quyết định. Cháu Chu Bá H1 đang sinh sống cùng anh N. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung theo nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật, không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, chị L đồng ý không có ý kiến gì. Tại văn bản ngày 08/5/2019 cháu Chu Bá H1 có nguyện vọng muốn ở với bố khi bố, mẹ ly hôn.

[5.2]. Xét thấy đối với con chung là Chu Thị Ngọc H đã trưởng thành (23 tuổi), tự chăm lo cho bản thân được, các đương sự không có yêu cầu giải quyết việc nuôi con, ở với bố hay mẹ do chị H tự quyết định nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Đối với con chung là Chu Bá H1 chưa đủ 18 tuổi, anh Chu Bá N có nguyện vọng nuôi con, anh N có đầy đủ điều kiện nuôi con chung; nguyện vọng của cháu Chu Bá H1 cũng muốn tiếp tục ở với bố; mặt khác chị Hoàng Thị L đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể; vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Chu Bá N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Chu Bá H1. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Chu Bá N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn căn cứ quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Chu Bá N và chị Hoàng Thị L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng:

[7.1].Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Chu Bá N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7.2].Về chi phí giám định: Anh Chu Bá N tự nguyện chịu cả 4.050.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của anh Chu Bá N. Xác nhận anh Chu Bá N đã nộp và chi phí xong số tiền này.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 161; Điều 162; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; Điều 478; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Anh Chu Bá N được ly hôn chị Hoàng Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Chu Bá H1, sinh ngày 20/10/2002 cho anh Chu Bá N nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Chu Bá N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn căn cứ quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Anh Chu Bá N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000227 ngày 27/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Chu Bá N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Anh Chu Bá N tự nguyện chịu cả 4.050.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận anh Chu Bá N đã nộp và chi phí xong số tiền này.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị L hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án

được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Chu Bá N cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Q, V;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng